

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

- Giấy chứng nhận ĐKDN số: 4300205943
Do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi
cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 31 tháng 10 năm 2016
- Địa chỉ: 02 Nguyễn Chí Thanh, P. Quảng Phú,
TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
- Điện thoại: 055 3726 110 Fax: 055 3822 843
- Website: www.qns.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

- Họ tên: Trần Ngọc Phương
- Chức vụ: Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng
- Số điện thoại: 0913470844
- Số fax: 055 3822 843

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI	1
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	1
1.1. Giới thiệu chung về Công ty	1
1.2. Giới thiệu chung về chứng khoán đăng ký giao dịch	2
1.3. Lịch sử hình thành và phát triển	2
1.4. Quá trình tăng vốn của Công ty	4
2. Cơ cấu tổ chức, quản lý công ty	9
3. Cơ cấu cổ đông, danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của QNS và danh sách cổ đông sáng lập	15
3.1. Cơ cấu cổ đông tại ngày 15/11/2016	15
3.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại ngày 15/11/2016	15
3.3. Danh sách cổ đông sáng lập	15
4. Danh sách công ty mẹ và công ty con của QNS, những công ty mà QNS đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với QNS	15
4.1. Công ty mẹ	15
4.2. Công ty con	16
4.3. Công ty mà QNS đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối	16
4.4. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với QNS	16
5. Hoạt động kinh doanh	16
6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	18
6.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ	18
6.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất	18
7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	18
7.1. Vị thế của công ty trong ngành	18
7.2. Triển vọng phát triển của ngành	21
8. Chính sách đối với người lao động	22
9. Chính sách cổ tức	23
10. Tình hình tài chính	24
10.1. Các chỉ tiêu cơ bản	24
10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	27
11. Tài sản	28
11.1. Tình hình tài sản đến thời điểm 31/12/2015	28

11.2.	Tình hình tài sản đến thời điểm 30/09/2016	28
11.3.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	29
12.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	30
12.1.	Kế hoạch kinh doanh	30
12.2.	Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận	30
13.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của QNS	31
14.	Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của QNS	31
15.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới QNS	31
II.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	32
1.	Hội đồng quản trị	32
1.1.	Danh sách thành viên Hội đồng quản trị	32
1.2.	Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị	32
2.	Ban kiểm soát	37
2.1.	Danh sách ban kiểm soát	37
2.2.	Sơ yếu lý lịch thành viên ban kiểm soát	37
3.	Ban Tổng giám đốc	40
3.1.	Danh sách Ban Tổng giám đốc	40
3.2.	Sơ yếu lý lịch Ban Tổng giám đốc	40
4.	Kế hoạch tăng cường quản trị công ty	41

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CTY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1.1. Giới thiệu chung về Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
- Tên tiếng Anh: QUANG NGAI SUGAR JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: QNS
- Vốn điều lệ đăng ký: 1.875.493.730.000 đồng
- Vốn thực góp: 1.875.493.730.000 đồng
- Trụ sở: 02 Nguyễn Chí Thanh, Phường Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
- Điện thoại: 055 3726 110 Fax: 055 3822 843
- Website: www.qns.com.vn

- Logo:



- Ngày trở thành công ty đại chúng: 29/11/2007
- Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông VÕ THÀNH ĐÀNG – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty.
- Giấy CNĐKKD số 4300205943 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 28/12/2005, cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 31/10/2016.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Công nghiệp chế biến đường, mật, bia, đồ uống, bánh kẹo, cốm, nha, sữa đậu nành, các sản phẩm từ sữa đậu nành và các loại thực phẩm khác;
 - Khai thác, sản xuất chế biến và kinh doanh nước khoáng;
 - Dịch vụ tổng hợp và hoạt động xuất nhập khẩu;
 - Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng;
 - Sửa chữa và lắp đặt máy móc, thiết bị;
 - Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí phục vụ các ngành sản xuất và dân dụng;
 - Sản xuất, kinh doanh và chế tạo công cụ máy nông nghiệp;
 - Sản xuất và kinh doanh mía (giống mía và mía nguyên liệu);
 - Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
 - Nhân và chăm sóc cây mía giống, cây đậu nành;
 - San ủi, àm đất, cày đất, làm đường kênh mương nội đồng và giao thông

vùng nguyên liệu mía; Khai thác nước khoáng; Dịch vụ xử lý môi trường nước thải và chất rắn; Thu hồi và kinh doanh khí biogas; Dịch vụ cung cấp năng lượng; Kinh doanh nước sạch; Kinh doanh dịch vụ cảnh quan môi trường;

- Kinh doanh phân bón vô cơ, vi sinh, vỏ chai thủy tinh, két nhựa các loại, chế phẩm, phế liệu thu hồi trong sản xuất, mật rỉ, bã đậu nành, malt bia, bã mía, bã bùn.
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

1.2. Giới thiệu chung về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng
- Mã chứng khoán: **QNS**
- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 187.549.373 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng: 4.230.455 cổ phiếu

- *Lý do hạn chế:* Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty năm 2016, hạn chế theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2015 và năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi.
- *Thời gian hạn chế:* 3 năm từ ngày 08/07/2016 đến ngày 07/07/2019.

- Giới hạn nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài: Tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của chính phủ và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ tài chính quy định về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài.

- Tính đến thời điểm ngày 15/11/2016, tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài sở hữu cổ phiếu của Công ty là: 4,9 % tương đương 9.201.434 cổ phần.

1.3. Lịch sử hình thành và phát triển:

Tổ chức tiền thân của Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi

Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi tiền thân là Công ty Đường Quảng Ngãi thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn được xây dựng từ những năm 70 của thế kỷ XX với 02 sản phẩm chính là Đường RS và Cồn.

Ngày thành lập

Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 2610/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 30/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000079 ngày 28/12/2005 và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2006, với vốn điều lệ 49,9 tỷ đồng trong đó vốn nhà nước chiếm 28% cổ phần.

THÔNG TIN TÓM TẮT

Quá trình phát triển

Kể từ khi cổ phần hóa, dưới sự điều hành của Ban Lãnh đạo cùng sự nỗ lực lao động của toàn thể cán bộ nhân viên Công ty, QNS đến nay đã gạt hái được các thành công nhất định trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sự kiện qua các năm

Năm	Sự kiện
2007	QNS chính thức được công nhận là Công ty đại chúng theo Giấy chứng nhận số 236/ĐKCB do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
2008	Thành lập công ty con theo quyết định số 07/QĐ/CPĐQN-HĐQT ngày 18/1/2008, Cty TNHH MTV TM Thành Phát với tỷ lệ sở hữu 100%.
2009	SCIC đã thoái toàn bộ vốn nhà nước tại QNS bằng hình thức bán cho nhà đầu tư bên ngoài và người lao động trong Công ty. QNS chính thức trở thành Công ty Cổ phần không còn vốn nhà nước.
2010	Nhà máy Cồn rượu và Nhà máy Đường Quảng Phú đã tạm dừng hoạt động.
2011	Quyết định đổi tên Xí nghiệp Cơ khí thành Nhà máy Cơ khí, thành lập Xí nghiệp Cơ giới nông nghiệp và Trung tâm Môi trường & Nước sạch trên cơ sở Đội thi công cơ giới và Tổ môi trường trước đây để phù hợp với quy mô và tính chất hoạt động của từng đơn vị.
2012	Tăng vốn góp vào công ty con - Cty TNHH MTV TM Thành Phát, từ 5 tỷ đồng lên 6 tỷ đồng. Khởi công xây dựng Nhà máy Sữa Đậu nành Vinasoy Bắc Ninh với công suất giai đoạn I là 90 triệu lít/năm. Đầu tư mở rộng nâng công suất Nhà máy Bia Dung Quất giai đoạn I từ 50 triệu lít/năm lên 75 triệu lít/năm
2012	Tiếp tục đầu tư và bổ sung máy móc thiết bị nhằm nâng công suất NMD An Khê lên 10.000 TMN và định hướng 18.000 TMN.
2013	Hoàn thành Giai đoạn I Dự án xây dựng Nhà máy Sữa Đậu nành Vinasoy Bắc Ninh với công suất giai đoạn I là 90 triệu lít/năm. Hoàn thành dự án đầu tư mở rộng nâng công suất Nhà máy Bia Dung Quất từ 50 triệu lít/năm lên 100 triệu lít/năm. Hoàn thành dự án đầu tư mở rộng nâng công suất NMD An Khê từ 7.500 TMN lên 10.000 TMN. Thành lập Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng Đậu nành (VSAC) với mục tiêu đầu tư chuyên sâu nghiên cứu về hạt đậu nành phục vụ cho việc phát triển kinh doanh bền vững.

THÔNG TIN TÓM TẮT

2014	Mở rộng nâng công suất Nhà máy sữa đậu nành Vinasoy Bắc Ninh lên 180 triệu lít/năm. Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi chính thức được lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 61/2014/GCNCP-VSD do VSD cấp ngày 05/09/2014.
2015	Hoàn thành Dự án mở rộng nâng công suất Nhà máy sữa đậu nành Vinasoy Bắc Ninh lên 180 triệu lít/năm. Đầu tư xây dựng Nhà máy điện sinh khối An Khê với công suất 110MN
2016	Đầu tư xây dựng Nhà máy Sữa Đậu nành Vinasoy Bình Dương với công suất giai đoạn I là 90 triệu lít/năm.

Với những kết quả nổi bật trên nhiều lĩnh vực hoạt động, đóng góp tích cực trong việc thực hiện nghĩa vụ về thuế, ... nhiều tổ chức uy tín trong nước đã bình chọn và trao giải cho QNS. Có thể kể đến các giải thưởng và danh hiệu uy tín như “Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam”, “Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam”, “Top 1000 doanh nghiệp đóng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp Việt Nam”, “Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhất Việt Nam” do Vietnam Report bình chọn và xếp hạng.

1.4. Quá trình tăng vốn của Công ty

Trong thời gian hoạt động từ năm 2005 đến nay, QNS đã thực hiện tăng vốn 16 lần để bổ sung vốn điều lệ Công ty lên 1.875.493.730.000 đồng, cụ thể như sau:

THÔNG TIN TÓM TẮT

ĐVT: Tỷ đồng

Đợt tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ	Số vốn tăng thêm	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
VĐL ban đầu	Tháng 12/2005	49.968.400.000			<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 2610/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 30/09/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (ĐKKD) do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 28/12/2005
Đợt 1	Tháng 12/2007	79.949.660.000	29.981.260.000	Chào bán chứng khoán ra công chúng	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 34/NQ/CPĐQN-ĐHĐCĐ ngày 26/07/2007 - Quyết định số 236/UBCK-GCN ngày 29/11/2007 của UBCKNN về cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi. - Giấy chứng nhận ĐKKD do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 24 tháng 01 năm 2008.
Đợt 2	Tháng 5/2008	87.914.380.000	7.964.720.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10%	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 51/NQ/CPĐQN-ĐHĐCĐ2008 ngày 02/05/2008. - Giấy chứng nhận ĐKKD do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 14 tháng 06 năm 2008.
Đợt 3	Tháng 6/2008	91.911.870.000	3.997.490.000	Phát hành 5% VĐL cho người lao động có lựa chọn 2008	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 51/NQ/CPĐQN-ĐHĐCĐ2008 ngày 02/05/2008. - Giấy chứng nhận ĐKKD do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 29 tháng 08 năm 2008.
Đợt 4	Tháng 12/2009	96.133.460.000	4.221.590.000	Phát hành 5% VĐL cho người lao động có lựa chọn 2009	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 45/NQ/CPĐQN-ĐHĐCĐ2009 ngày 12/08/2009. - Giấy chứng nhận ĐKKD do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 26 tháng 02 năm 2010.
Đợt 5	Tháng 5/2010	140.481.500.000	44.348.040.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 50%	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 69/NQ/CPĐQN-ĐHĐCĐ2010 ngày 10/4/2010. - Giấy chứng nhận ĐKKD do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 25 tháng 08 năm 2010.

THÔNG TIN TÓM TẮT

Đợt tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ	Số vốn tăng thêm	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Đợt 6	Tháng 12/2010	144.916.870.000	4.435.370.000	Phát hành 5% VDL cho người lao động có lựa chọn 2010	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 69/NQ/CPĐQN-ĐHĐCĐ2010 ngày 10/4/2010. - Giấy chứng nhận ĐKKD do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 17 tháng 10 năm 2011.
Đợt 7	Tháng 5/2011	282.407.740.000	137.490.870.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100%	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 14/NQ/CPĐQN-ĐHĐCĐ2011 ngày 15/4/2011 - Giấy chứng nhận ĐKKD do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 17 tháng 10 năm 2011.
Đợt 8	Tháng 7/2011	296.156.820.000	13.749.080.000	Phát hành 5% VDL cho người lao động có lựa chọn 2011	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 14/NQ/CPĐQN-ĐHĐCĐ2011 ngày 15/4/2011 - Giấy chứng nhận ĐKKD do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 17 tháng 10 năm 2011.
Đợt 9	Tháng 4/2012	592.313.640.000	296.156.820.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100%	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 14/NQ/CPĐQN-ĐHĐCĐ2012 ngày 30/3/2012. - Giấy chứng nhận ĐKKD do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 16 tháng 08 năm 2012.
Đợt 10	Tháng 5/2012	621.929.320.000	29.615.680.000	Phát hành 5% VDL cho người lao động có lựa chọn 2012	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 14/NQ/CPĐQN-ĐHĐCĐ2012 ngày 30/3/2012. - Giấy chứng nhận ĐKKD do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 16 tháng 08 năm 2012.
Đợt 11	Tháng 5/2013	932.893.840.000	310.964.520.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 50%	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 24/NQ/CPĐQN-ĐHĐCĐ2013 ngày 30/3/2013 - Giấy chứng nhận ĐKKD do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 14/05/2013.
Đợt 12	Tháng 6/2013	979.283.530.000	46.389.690.000	Phát hành 5% VDL cho người lao động có lựa chọn 2013	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 24/NQ/CPĐQN-ĐHĐCĐ2013 ngày 30/3/2013. - Giấy chứng nhận ĐKKD do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 22 tháng 07 năm 2013.

THÔNG TIN TÓM TẮT

Đợt tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ	Số vốn tăng thêm	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Đợt 13	Tháng 5/2014	1.175.133.040.000	195.849.510.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20%	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 20/NQ/CPĐQN-ĐHĐCĐ2014 ngày 12/04/2014 - Công văn số 1782/UBCK-QLPH ngày 05/05/2014 của UBCKNN về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu trả cổ tức của QNS. - Công văn số 3097/UBCK-QLPH ngày 22/05/2014 của UBCKNN về việc nhận được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức của QNS. - Giấy chứng nhận ĐKKD do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 07 tháng 07 năm 2014.
Đợt 14	Tháng 4/2015	1.410.152.520.000	235.019.480.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20%	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 15/NQ/CPĐQN-ĐHĐCĐ2015 ngày 28/03/2015 - Công văn số 1617/UBCK-QLPH ngày 07/04/2015 của UBCKNN về việc nhận được đầy đủ Tài liệu báo cáo hát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014 của QNS. - Công văn số 2544/UBCK-QLPH ngày 21/05/2015 của UBCKNN về việc nhận được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của QNS. - Giấy chứng nhận ĐKKD do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 26 tháng 06 năm 2015.

THÔNG TIN TÓM TẮT

Đợt 15	Tháng 5/2016	1.833.189.180.000	423.036.660.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 30%	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 33/NQ/CPĐQN-ĐHĐCĐ2016 ngày 09/04/2016 - Công văn số 2242/UBCKNN-QLCB ngày 28/04/2016 của UBCKNN về việc nhận được Tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của QNS. - Công văn số 2985/UBCK-QLCB ngày 01/06/2016 của UBCKNN về việc nhận được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của QNS. - Giấy chứng nhận ĐKKD do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 07 tháng 07 năm 2016.
Đợt 16	Tháng 7/2016	1.875.493.730.000	42.304.550.000	Phát hành 3% VDL cho người lao động có lựa chọn năm 2016	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 33/NQ/CPĐQN-ĐHĐCĐ2016 ngày 09/04/2016 - Công văn số 3373/UBCK-QLCB ngày 20/06/2016 của UBCKNN về việc nhận được đầy đủ Tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty. - Công văn số 4764/UBCK-QLCB ngày 21/07/2016 của UBCKNN về việc nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty. - Giấy chứng nhận ĐKKD do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 10 năm 2016.

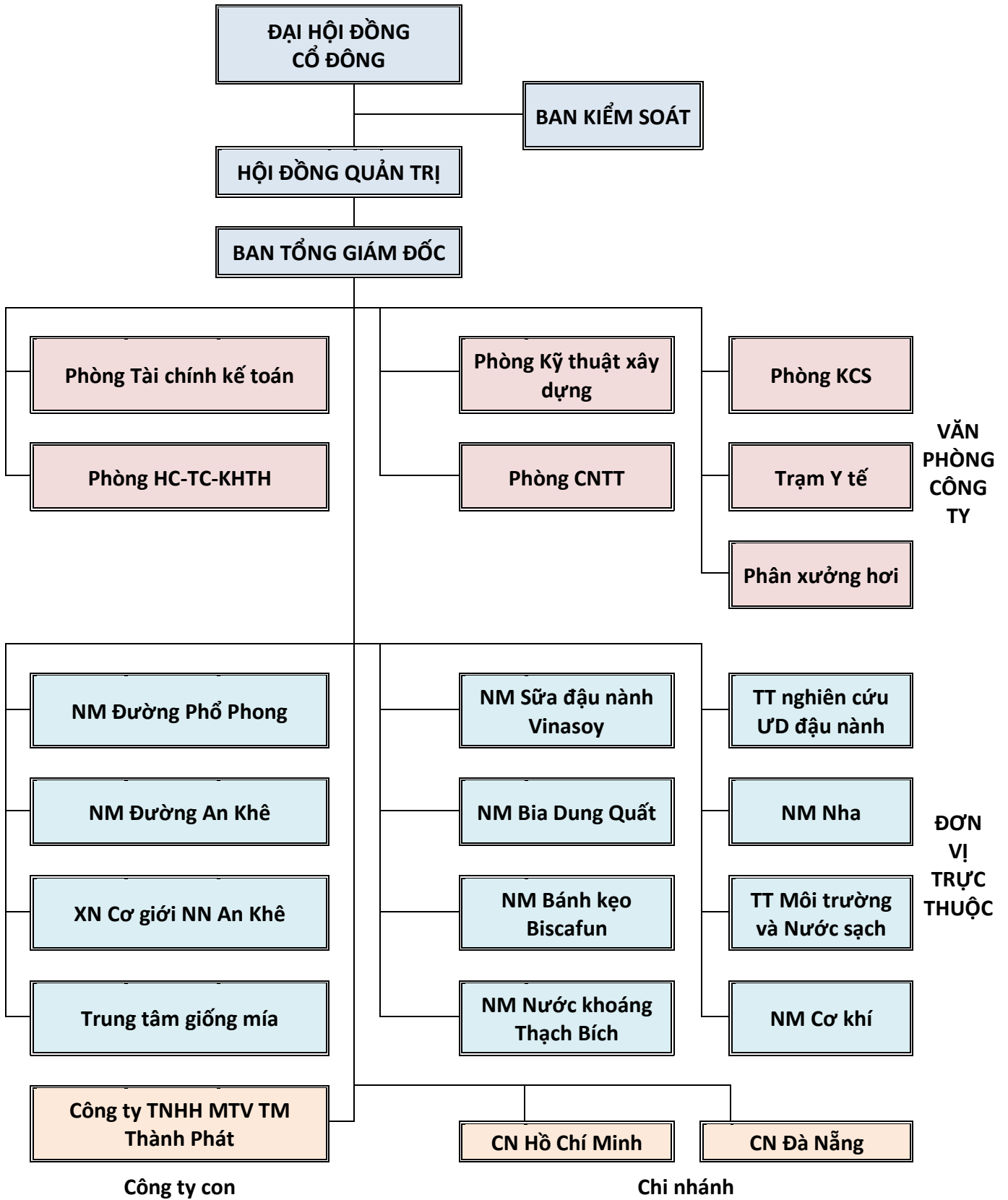
Nguồn: Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi

2. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi được sở hữu bởi hơn 2.900 cổ đông là các cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước. QNS là Công ty mẹ với 14 đơn vị trực thuộc và có một công ty con được tổ chức theo hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn.

THÔNG TIN TÓM TẮT

Sơ đồ tổ chức quản lý:



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, thực hiện các chức năng cùng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu, là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đương nhiệm của Công ty có 5 thành viên bao gồm Chủ tịch, 1 Phó chủ tịch và 3 thành viên.

Ban Tổng Giám đốc (Ban điều hành)

Ban Tổng giám đốc là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Ban Tổng Giám đốc đương nhiệm của Công ty có 4 thành viên bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc phụ trách có nhiệm vụ tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của QNS theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của QNS có 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, là đại diện cho Đại hội đồng cổ đông giám sát, đánh giá kết quả kinh doanh, hoạt động quản trị và hoạt động điều hành, đặc biệt là công tác tài chính của QNS nhằm góp phần tăng hiệu quả hoạt động quản lý rủi ro, nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp và đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

Các công tác Ban kiểm soát thực hiện đã góp phần đảm bảo an toàn hoạt động và tăng cường hiệu quả trong việc ngăn ngừa và hạn chế rủi ro trong hoạt động của QNS.

Các phòng ban chức năng của QNS

Là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng giám đốc.

THÔNG TIN TÓM TẮT

Phòng ban	Chức năng, nhiệm vụ
Phòng Hành chính Tổ chức Kế hoạch tổng hợp	<ul style="list-style-type: none">- Quản lý lao động, tiền lương, chế độ chính sách đối với người lao động.- Thực hiện công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật.- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực- Quản lý hành chính, văn thư.- Quản lý tài sản, trang thiết bị, dụng cụ văn phòng. Bảo vệ an ninh trật tự.- Tổng hợp xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn và dài hạn. Theo dõi, hỗ trợ các đơn vị trong Công ty công tác triển khai thực hiện kế hoạch. Tổng hợp xây dựng các chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty.- Công tác đối nội, đối ngoại. Tổ chức sắp xếp lịch làm việc, tiếp khách, tổ chức hội nghị, hội thảo, phương tiện đi lại cho lãnh đạo Công ty.- Mua sắm vật tư văn phòng phẩm, quản lý vật tư, công cụ dụng cụ, phương tiện đi lại, làm việc thuộc khối văn phòng Công ty, công tác phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh lao động toàn Công ty.
Phòng Tài chính kế toán	<ul style="list-style-type: none">- Hạch toán kế toán, quản lý và kiểm soát các hoạt động tài chính toàn Công ty.- Thống kê, báo cáo phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty.- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc những chính sách tài chính.- Công tác quản lý cổ đông.
Phòng Kỹ thuật xây dựng cơ bản	<ul style="list-style-type: none">- Quản lý thiết lập, lưu trữ hồ sơ thiết bị và công nghệ sản xuất toàn Công ty, kiểm soát tình hình sử dụng tài sản và công nghệ sản xuất các đơn vị trong Công ty.- Nghiên cứu khoa học kỹ thuật để cải tiến máy móc thiết bị, ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất.- Xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản, nhà xưởng, vật kiến trúc, tổng hợp xây dựng các kế hoạch sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên máy móc thiết bị toàn Công ty.- Xây dựng, sửa chữa đường giao thông, thủy lợi vùng nguyên liệu mía, chính sách đầu tư, kỹ thuật trồng, chăm bón, thu hoạch cây mía.

THÔNG TIN TÓM TẮT

Phòng KCS	<ul style="list-style-type: none">- Quản lý kiểm soát toàn bộ chất lượng sản phẩm đầu ra và nguyên liệu đầu vào của Công ty. Đăng ký chất lượng, nhãn mác hàng hóa sản phẩm của Công ty.- Quản lý vệ sinh công nghiệp, môi trường toàn Công ty.
Phòng Công nghệ thông tin	<ul style="list-style-type: none">- Quản lý toàn bộ hệ thống máy vi tính, các phần mềm quản lý trong Công ty.- Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý ERP trong Công ty.- Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong việc quản lý, khai thác và sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác sản xuất kinh doanh.
Trạm y tế	<ul style="list-style-type: none">- Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty thực hiện quản lý sức khỏe người lao động trong Công ty, quản lý hồ sơ khám chữa bệnh ban đầu, trực cấp cứu, quản lý vệ sinh thực phẩm, vệ sinh lao động toàn Công ty.

Các đơn vị trực thuộc

Hầu hết là các đơn vị thực hiện sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm mang nhãn hiệu của Công ty. Ngoài ra, có một số đơn vị như Xí nghiệp cơ giới nông nghiệp, Trung tâm giống mía, Trung tâm môi trường và nước sạch và Trung tâm nghiên cứu ứng dụng đậu nành chịu trách nhiệm hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



Nhà máy đường Phổ Phong và Nhà máy Đường An Khê
Sản xuất đường từ mía.



Nhà máy sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy
Sản xuất, chế biến các sản phẩm sữa từ đậu nành.



Nhà máy bia Dung Quất
Sản xuất các loại bia lon, bia chai mang thương hiệu Dung Quất ở thị trường trong nước và bia Hello ở thị trường nước ngoài.



Nhà máy Nước khoáng Thạch Bích
Khai thác nguồn nước khoáng thiên nhiên từ mỏ nước khoáng Thạch Bích ở Huyện Trà Bồng Tỉnh Quảng Ngãi để sản xuất nước khoáng thiên nhiên, nước giải khát, nước ngọt các loại phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài.



Nhà máy Bánh kẹo Biscafun

Sản xuất Bánh kẹo cung cấp thị trường trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài.



Nhà máy Nha

Mạch nha là sản phẩm được làm chủ yếu từ bột sắn bằng công nghệ enzyme.

Sản phẩm mạch nha của QNS là nguyên liệu sản xuất bánh kẹo, nước giải khát, làm kem, phụ gia thực phẩm, phụ gia trong xây dựng,...



Trung tâm nghiên cứu ứng dụng độ nành

Nghiên cứu, chọn lọc giống độ nành có năng suất và chất lượng cao.



Trung tâm giống mía

Trung tâm chuyên nghiên cứu và nhân các giống mía tốt nhằm cung cấp nguồn giống đảm bảo chất lượng cho hoạt động sản xuất mía đường.



Trung tâm môi trường nước sạch

Trung tâm Môi trường và nước sạch trực thuộc QNS thực hiện dịch vụ xử lý nước thải, dịch vụ cảnh quan môi trường; khai thác, xử lý và cung cấp nước.



Xí nghiệp cơ giới nông nghiệp An Khê

Thực hiện các biện pháp làm đất, trồng, chăm sóc, tưới tiêu và thu hoạch mía, cải tạo đồng ruộng để tăng năng suất và chất lượng cây mía.



Nhà máy Cơ khí

Chuyên chế tạo, lắp ráp, sản xuất các loại máy nông lâm nghiệp, máy chuyên dùng, sửa chữa các loại máy móc, thiết bị.



Phân xưởng sản xuất hơi

Sản xuất hơi để cung cấp hơi cho các đơn vị trong Công ty.

3. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA QNS VÀ DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.

3.1. Cơ cấu cổ đông tại ngày 15/11/2016

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	2.957	178.347.939	95,1
	Tổ chức	5	31.604.463	16,9
	Cá nhân	2.952	146.743.476	78,2
II	Cổ đông nước ngoài	2	9.201.434	4,9
	Tổ chức	1	9.112.234	4,86
	Cá nhân	1	89.200	0,05
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	Tổng cộng	2.959	187.549.373	100

Nguồn: Danh sách cổ đông của QNS do VSD cung cấp

3.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại ngày 15/11/2016

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH MTV TM Thành Phát	02 Nguyễn Chí Thanh, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	29.665.923	15,8%

Nguồn: Danh sách cổ đông của QNS do VSD cung cấp

3.3. Danh sách cổ đông sáng lập

QNS hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 28/12/2005. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, đến thời điểm hiện tại cổ phiếu phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

4. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA QNS, NHỮNG CÔNG TY MÀ QNS ĐANG NẪM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI QNS

4.1. Công ty mẹ

Không có

4.2. Công ty con

Tên Công ty:	Công ty TNHH MTV Thương Mại Thành Phát
Địa chỉ:	02 Nguyễn Chí Thanh, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
Điện thoại:	055.3726145
Vốn điều lệ:	6.000.000.000 đồng
Vốn góp của QNS:	6.000.000.000 đồng
Tỷ lệ nắm giữ:	100%
Giấy chứng nhận ĐKDN	Số 4300369451 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 23/01/2008, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 04/05/2016
Lĩnh vực kinh doanh chính	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh sản phẩm bia, rượu, nước giải khát, sữa, bánh kẹo, cốm, nha; - Kinh doanh sản phẩm đường và mật rỉ; - Sản xuất chế biến, kinh doanh thực phẩm; - Kinh doanh khách sạn, nhà hàng; Đầu tư khu du lịch; - Kinh doanh cho thuê kho bãi; Cho thuê văn phòng làm việc; - Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ; - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Kinh doanh, Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, bao bì, hóa chất phục vụ ngành chế biến đường mía và sản xuất chế biến thực phẩm

4.3. Công ty mà QNS đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có

4.4. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với QNS

Không có

5. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của QNS là: Sản xuất đường, sữa đậu nành, bia, nước giải khát, bánh kẹo.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

STT	Sản lượng tiêu thụ	ĐVT	2014	2015	DK 2016	Tăng trưởng BQ	DK 2016 so với 2015
1	Đường	Tấn	124.187	175.708	154.500	12,2%	-12%
2	Sữa đậu nành	Ngàn Lít	192.812	241.718	300.000	27,8%	24%
3	Bia	Ngàn Lít	66.916	70.422	75.300	6,3%	6,9%
4	Nước giải khát	Ngàn Lít	66.986	75.574	80.000	9,7%	19,4%
5	Bánh kẹo	Tấn	8.001	6.658	7.350	-4%	10,4%

Nguồn: Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi

✦ Về hoạt động sản xuất kinh doanh đường mía

Diễn biến thị trường đường trong nước và thế giới có nhiều chiều hướng tích cực.

Trong nước, đường nhập lậu được kiểm soát, lượng đường tồn kho tại các nhà máy thấp, tình hình tiêu thụ khả quan. Trong năm 2015, QNS đã tiêu thụ được hơn 175,7 ngàn tấn đường, đạt tốc độ tăng trưởng sản lượng 41,5% so với năm 2014. Tốc độ tăng trưởng sản lượng bình quân từ năm 2014-2016 ước tính tăng 12%.

Để đảm bảo có được nguồn nguyên liệu cung ứng cho sản xuất đường RS có chất lượng và đủ số lượng, những năm qua QNS đặc biệt chú trọng đến công tác phát triển vùng nguyên liệu mía và thực hiện cơ giới hóa đồng bộ vùng nguyên liệu. QNS đã chủ động đầu tư cho Xí nghiệp Cơ giới Nông nghiệp và Trung tâm Giống mía hỗ trợ hoạt động SX đường một cách tốt nhất. Hoạt động nghiên cứu cải tiến thiết bị hiện có, chế tạo thiết bị và ứng dụng công nghệ mới trong các khâu trồng, chăm sóc và thu hoạch cây mía được diễn ra khá mạnh mẽ góp phần tăng năng suất, chất lượng thi công, làm cơ sở để phát triển hoạt động cơ giới hóa về sau. Hoạt động nghiên cứu khảo nghiệm các giống mía mới được thực hiện thường xuyên và bước đầu đã xác định được các giống mía có chất lượng cao và phù hợp với các vùng nguyên liệu mía của QNS.

✦ Về hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm sữa đậu nành

Là một trong những sản phẩm mang lại doanh thu, lợi nhuận lớn cho QNS, sản phẩm Sữa đậu nành Vinasoy của QNS những năm qua hoạt động kinh doanh khá ấn tượng. Từ năm 2006 đến 2016, sản lượng tiêu thụ tăng liên tục, tốc độ tăng trưởng bình quân ước tính đạt 40%.

Liên tục nhiều năm, QNS đều đặn tạo ra các sản phẩm sữa đậu nành tốt nhất và đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người tiêu dùng. Các sản phẩm sữa đậu nành của công ty: Fami nguyên chất, Fami canxi, Vinasoy, Fami kid và cuối năm 2015, Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy đã tung ra sản phẩm Soymen sữa đậu nành dành cho nam giới đầu tiên tại Việt Nam. Các sản phẩm này đã được người tiêu dùng tin cậy và lựa chọn.

✦ Về các hoạt động sản xuất kinh doanh khác

Ở các mảng sản xuất kinh doanh khác, QNS cũng đã rất nỗ lực để nâng cao chất lượng sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Năm 2015, sản lượng tiêu thụ sản phẩm bia chỉ đạt mức tăng trưởng 5% so với năm 2014 với hơn 70 triệu lít bia tiêu thụ, sản lượng tiêu thụ nước giải khát đạt mức tăng trưởng là 13% với hơn 75,5 triệu lít. Dự kiến năm 2016, sản lượng tiêu thụ bia và nước giải khát lần lượt là 75 triệu lít và 80 triệu lít đạt mức tăng trưởng 7% và 19% so với năm 2015.

Nhóm hàng bánh kẹo năm 2016 có chuyển biến tốt hơn so với năm 2015 với mức tăng trưởng sản lượng tiêu thụ ước tính là 10%. Tuy nhiên, với xu hướng thị trường hiện nay đối với nhóm hàng bánh kẹo thì đây vẫn là nhóm sản phẩm đang gặp nhiều khó khăn nhất.

QNS tiếp tục duy trì xây dựng và phát triển thương hiệu cho Bia Dung Quất và Bánh kẹo Biscafun, đồng thời đẩy mạnh hơn và tập trung xây dựng và phát triển thương hiệu Nước khoáng Thạch Bích. Công tác nghiên cứu và đầu tư thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm và đảm bảo số lượng đáp ứng kịp thời cho nhu cầu thị trường luôn được đề cao.

Bên cạnh việc phát triển và giữ vững thị trường trong nước, QNS đã và đang triển khai xuất khẩu sản phẩm đi một số nước ở thị trường Châu Á và Châu Âu. Các sản phẩm này được nhiều đối tác nước ngoài đánh giá cao về chất lượng sản phẩm.

6. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

6.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm	9 tháng 2016
1	Tổng giá trị tài sản	4.717.903.564.810	5.919.267.953.628	25,5%	6.441.502.972.900
2	Vốn chủ sở hữu	2.503.483.733.363	3.351.500.636.592	33,9%	4.104.780.803.946
3	Doanh thu thuần	5.904.091.233.537	7.393.548.490.458	25,2%	5.208.219.208.794
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	927.359.131.836	1.375.098.730.402	48,3%	944.026.995.886
5	Lợi nhuận khác	24.280.604.523	19.934.259.139	-17,9%	24.840.010.243
6	Lợi nhuận trước thuế	951.639.736.359	1.395.032.989.541	46,6%	968.867.006.129
7	Lợi nhuận sau thuế	791.772.265.939	1.270.086.711.229	60,4%	897.308.724.822
8	Giá trị sổ sách (đồng/cổ phiếu)	21.304	23.767	11,6%	21.866
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	74,2	66,6	-	-

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2015 và BCTC riêng 9 tháng năm 2016

6.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm	9 tháng 2016
1	Tổng giá trị tài sản	3.944.961.354.154	5.172.338.742.870	31,1%	5.663.717.338.254
2	Vốn chủ sở hữu	1.735.062.895.217	2.607.714.696.164	50,3%	3.308.008.994.304
3	Doanh thu thuần	6.249.479.288.231	7.785.234.630.523	24,6%	5.261.343.652.382
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	917.200.728.276	1.341.902.414.469	46,3%	853.404.774.760
5	Lợi nhuận khác	24.280.604.523	19.947.117.110	-17,8%	24.817.287.417
6	Lợi nhuận trước thuế	941.481.332.799	1.361.849.531.579	44,6%	878.222.062.177
7	Lợi nhuận sau thuế	774.302.092.103	1.230.065.108.947	58,9%	806.669.953.108
8	Giá trị sổ sách (đồng/cổ phiếu)	17.615	22.063	25,2%	20.952
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	75,9	68,8	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2015 và BCTC hợp nhất 9 tháng 2016

7. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH

7.1. Vị thế của công ty trong ngành

Trong suốt hơn 10 năm kể từ ngày hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành ngày càng được khẳng định. Những sản phẩm của QNS đã và đang được người tiêu dùng trong và ngoài nước tin tưởng và lựa chọn.

Đường mía:

Niên vụ 2015-2016, tổng sản lượng đường sản xuất của QNS chiếm 10% tổng sản lượng đường sản xuất toàn quốc.

Vụ ép 2016-2017, QNS đưa NM Đường An Khê có công suất lên 18.000 TMN vào sản xuất với tổng giá trị đầu tư dự kiến hơn 1.800 tỷ đồng với máy móc thiết bị hiện đại, tự động hóa nhiều khâu trong quy trình sản xuất nhằm giảm lao động, tăng hiệu suất thu hồi đường. và sẽ là nhà máy đường có công suất lớn nhất cả nước. Đồng thời, đây cũng là để khẳng định vị thế dẫn đầu trong hoạt động sản xuất mía đường và là nhà máy có công suất lớn nhất Việt Nam.

Đi đôi với công tác đầu tư máy móc thiết bị, QNS tiếp tục đầu tư phát triển và thực hiện cơ giới hóa đồng bộ vùng nguyên liệu nhằm đảm bảo đồng thời năng suất và chất lượng nguồn nguyên liệu mía.

Điện sinh khối – Gia tăng hiệu quả hoạt động của Nhà máy Đường

Trong bối cảnh nhiên liệu hóa thạch ngày càng cạn kiệt, khả năng đáp ứng nhu cầu về năng lượng trong nước ngày càng khó khăn. Vì vậy, khai thác và sử dụng năng lượng tài tạo có ý nghĩa hết sức quan trọng và đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, Chính phủ Việt Nam đã đặt ra mục tiêu phát triển ngành điện theo xu hướng chuyển dần sang thị trường cạnh tranh, xóa bỏ độc quyền, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân bán buôn điện. Xây dựng Nhà máy Điện sinh khối chính là chiến lược đón đầu về năng lượng sạch và gia tăng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh mía đường.

Hiện nay, QNS đang triển khai xây dựng Nhà máy Điện sinh khối công suất 110 MW với tổng giá trị đầu tư hơn 2.000 tỷ đồng. Dự kiến hoạt động vào tháng 12/2016.

Sữa đậu nành:

Sử dụng những hạt đậu nành tinh túy nhất thu hoạch từ vùng đất Tây Nguyên, trải qua quy trình sản xuất hiện đại và kiểm định nghiêm ngặt, trung bình mỗi năm Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy của Công ty tạo ra hơn 1 tỷ sản phẩm sữa đậu nành phục vụ cho hơn 90 triệu dân trong cả nước.

Những sản phẩm nổi bật của nhà máy: Fami nguyên chất, Fami canxi, Vinasoy, Fami Kid, Soyman.

Theo số liệu thống kê của Nielsen tháng 12-2015, Vinasoy tiếp tục dẫn đầu ngành hàng sữa đậu nành bao bì giấy tại Việt Nam với thị phần 84,2% và có mức tăng trưởng 25% so với năm 2014, gấp 6,25 lần so với tăng trưởng bình quân 4% của ngành FMCG tại Việt Nam.

Hiện tại QNS có 2 nhà máy sữa đậu nành đặt tại Quảng Ngãi và Bắc Ninh với tổng công suất là 300 triệu lít/năm. Để tiếp tục khẳng định vị thế số 1 tại Việt Nam, QNS đang xây dựng và dự kiến hoàn thành vào tháng 12/2016 nhà máy thứ ba tại Bình Dương với công suất giai đoạn 1 là 90 triệu lít/năm, giai đoạn 2 là 180 triệu lít năm với tổng giá trị đầu tư gần 900 tỷ đồng cho giai đoạn 1.

Với việc đầu tư xây dựng nhà máy này, QNS trở thành công ty Việt Nam đầu tiên sở hữu 2/3 nhà máy được đầu tư quy mô, với công nghệ hiện đại bậc nhất và lọt vào Top 5 nhà

THÔNG TIN TÓM TẮT

sản xuất sữa đậu nành lớn nhất thế giới hiện nay.

Bia:

Hơn 23 năm góp mặt trên thị trường, Bia Dung Quất được sản xuất từ nguyên liệu có lựa chọn từ các nhà cung cấp nổi tiếng (tại Pháp, Úc và Cộng hòa Séc) cùng với các trang thiết bị sản xuất hiện đại được nhập khẩu từ Đức, Ý, Hà Lan, Nhật Bản và công nghệ sản xuất của Hãng bia BRANIK nổi tiếng của CH Séc.

Nhờ chuyên nghiệp hóa trong sản xuất và kinh doanh, Bia Dung Quất đã có mặt và chiếm lĩnh không chỉ thị trường Quảng Ngãi mà còn thị trường các tỉnh Miền Trung – Tây Nguyên, đồng thời xuất bia sang thị trường Nhật Bản, Trung Quốc, Campuchia, Newzealand,...

Những giải thưởng đạt được trong những năm qua: Thương hiệu đồ uống được ưa chuộng nhất Việt Nam năm 2013; Giải thưởng chất lượng quốc gia, thương hiệu vàng thực phẩm năm 2014.

Nước khoáng Thạch Bích:

Nước khoáng thiên nhiên Thạch Bích bắt nguồn từ một trong những mỏ nước khoáng nóng sâu nhất Việt Nam. Trải qua hàng thế kỷ kiến tạo địa chất, mạch nước khoáng ngầm Thạch Bích phun trào tự nhiên, mang đến loại nước khoáng tinh khiết với hàm lượng vi khoáng nhẹ. Nước khoáng Thạch Bích là “Quà tặng vô giá của thời gian”.

Đặc biệt, Nước khoáng Thạch Bích được vinh dự đón nhận **đanh hiệu “Thương hiệu quốc gia”** trong hai lần liên tiếp năm 2014 và năm 2016

Bánh kẹo:

Với nguồn nguyên liệu cao cấp được lựa chọn và được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại, các sản phẩm bánh kẹo Biscafun của Công ty luôn là những sản phẩm mang hương vị đậm đà và tinh tế.

Sản phẩm bánh kẹo với rất nhiều chủng loại khác nhau có thể đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng hiện nay. Trong đó sản phẩm bánh Chocovina đã được xuất khẩu sang thị trường Châu Âu.

Những giải thưởng và chứng nhận tiêu biểu trong năm 2015-2016

Các danh hiệu đạt được		Tổ chức/Chương trình vinh danh
	Đứng thứ 148 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2015	Vietnam Report
	Đứng thứ 41 trong top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2015	Vietnam Report
	Đứng thứ 358 trong top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2015	Vietnam Report

THÔNG TIN TÓM TẮT

	Đứng thứ 98 trong top 1000 doanh nghiệp theo mã số thuế nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2016	Vietnam Report
	Đứng thứ 31 trong top 1000 doanh nghiệp theo báo cáo tài chính hợp nhất nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2016	Vietnam Report
	Danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2015 và năm 2016 (Đường, Sữa đậu nành, Bánh kẹo Biscafun, Nước khoáng Thạch Bích)	Hội Doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao
	Thương hiệu sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia năm 2016 (Đường, Sữa đậu nành Vinasoy, Bánh kẹo Biscafun, Nước khoáng Thạch Bích, Bia Dung Quất)	Bộ công thương
	Hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích năm 2015 (Sữa đậu nành Fami nguyên chất, Fami Canxi, Fami Kid)	Chương trình bình chọn “Hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích”
	Thương hiệu uy tín năm 2015: Fami	Viện doanh nghiệp Việt Nam
	Top 10 nhãn hiệu nổi tiếng nhất Việt Nam năm 2015: Fami nguyên chất	Chương trình tư vấn và bình chọn nhãn hiệu nổi tiếng – nhãn hiệu cạnh tranh Việt Nam 2015

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Sữa đậu nành

Những năm gần đây, người tiêu dùng Việt Nam ngày càng quen thuộc với khái niệm “thực phẩm lành”, “dinh dưỡng lành”, ưu tiên chọn lựa những sản phẩm có lợi cho sức khỏe, có nguồn gốc thiên nhiên, cung cấp những dưỡng chất thiết yếu cho cơ thể. Sữa đậu nành là một trong những sản phẩm “thực phẩm lành”, “dinh dưỡng lành”. Chính vì những lợi ích trên, ngày càng có nhiều người tiêu dùng lựa chọn sữa đậu nành để sử dụng. Tiềm năng phát triển lĩnh vực sản xuất kinh doanh sữa đậu nành là rất lớn, cụ thể:

- Những sản phẩm sữa đậu nành có thương hiệu chỉ chiếm 30% trên thị trường. Vẫn còn rất nhiều tiềm năng ở phân khúc cao cấp và có thương hiệu.
- Doanh nghiệp sản xuất sữa đậu nành lớn và có thương hiệu trên thị trường Việt Nam rất ít, nhỏ lẻ.
- Mức tiêu thụ bình quân sữa đậu nành/đầu người ở Việt Nam còn thấp so với các nước khu vực Đông Nam Á và Trung Quốc.
- Dự báo tốc độ tăng trưởng bình quân đến năm 2018 của sữa đậu nành uống

THÔNG TIN TÓM TẮT

liền là 4% (Nielsen).

Mía đường

Theo dự thảo “Rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển mía đường đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” được lấy ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam thì thị trường đường thế giới đang ổn định trở lại sau 4 năm giảm sâu do mất cân bằng cung cầu.

Dự báo về tình hình mía đường những năm tới như sau:

Nội dung	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2030
Sản lượng đường	Triệu tấn	2	2,72
Diện tích vùng nguyên liệu mía	ha	286.000	297.000
Sản lượng mía	Triệu tấn	22	25
Mức năng suất	Tấn/ha	70-75	80-85

Vùng nguyên liệu mía được quy hoạch tập trung, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nâng cao năng suất và chất lượng mía, giảm chi phí trung gian, nâng cao tỷ lệ thu hồi đường.

Bia – Nước giải khát

Theo quy hoạch phát triển ngành Bia – Rượu – Nước giải khát Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 của Bộ Công Thương, nhu cầu thị trường đối với sản phẩm bia, nước giải khát những năm tới như sau:

Nội dung	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2035
Bia	Tỷ lít	4,1	4,6	5,5
Nước giải khát	Tỷ lít	6,8	9,1	15,2

Nguồn: Quy hoạch phát triển ngành Bia – Rượu – Nước giải khát Việt Nam

Xu hướng sử dụng nước giải khát không ga, nước hoa quả, nước bổ dưỡng ngày càng cao. Đối với các nước đang phát triển và ở vùng khí hậu nóng như nước ta thì lượng nước khoáng tiêu thụ ngày càng chiếm tỷ trọng cao.

8. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng nhân viên

Tính đến 30/09/2016, số lượng nhân viên của Công ty là 4.107 người.

Đội ngũ người lao động của Công ty có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao đồng thời luôn nêu cao ý thức kỷ luật, năng động và sáng tạo trong lao động.

Chính sách đối với người lao động

Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng việc phát triển nguồn nhân lực và coi đây là chìa khóa đem lại thành công cho Công ty. Do đó, xác định con người là yếu tố trọng yếu của sự phát triển, Công ty xây dựng các chính sách đãi ngộ và luôn quan tâm đến đời sống của cán bộ nhân viên công ty. Một số chính sách được Công ty áp dụng cụ thể như sau:

THÔNG TIN TÓM TẮT

- Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Công ty đã xây dựng một quy trình tuyển dụng nhân sự nhằm đáp ứng nguồn nhân lực đảm bảo về chất lượng và phù hợp với nhu cầu, khuyến khích và tạo tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động có cơ hội phát triển toàn diện cả về năng lực chuyên môn và cả về các kỹ năng mềm cần thiết. Điều này được thể hiện thông qua việc Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa huấn luyện, đào tạo về nghiệp vụ quản lý, kinh doanh và kỹ thuật; có chính sách đào tạo tại chỗ đối với người lao động nhằm nâng cao tay nghề;...

Đây chính là một trong những chính sách nhằm hoàn thiện nguồn nhân lực với đội ngũ nhân viên có trình độ, có kỹ năng, đồng thời có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài để thực hiện hiện chiến lược kinh doanh dài hạn hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai của Công ty.

- Chính sách về lao động và tiền lương

Người lao động của Công ty được hưởng các chế độ chính sách về lao động và tiền lương theo Thỏa ước lao động tập thể và theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, Công ty xây dựng chính sách khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có sáng kiến góp phần gia tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty luôn chú trọng đến công tác an toàn lao động, thường xuyên tổ chức các đợt tập huấn cho người lao động và thực hiện các đợt kiểm tra đánh giá công tác an toàn lao động.

Đặc biệt, Công ty cũng có chính sách phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) nhằm thu hút và khuyến khích, tạo động lực, nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của người lao động.

Ngoài ra, hàng năm, Công ty còn tổ chức các hoạt động phong trào đoàn thể như các chương trình văn nghệ, các hội thi, hội thao giữa các đơn vị, phòng ban, phong trào đoàn thanh niên... Qua đó, sẽ góp phần làm phong phú đời sống tinh thần cũng như tạo sự gắn kết hơn giữa người lao động và Công ty.

Và Công ty sẽ vẫn tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển nguồn nhân lực, tiếp tục hoàn thiện các chính sách tuyển dụng, đào tạo, đãi ngộ, quy hoạch gắn với quyền lợi và trách nhiệm của người lao động nhằm mang lại hiệu quả cao nhất trong công việc.

Thu nhập bình quân của CBNV của Công ty tăng lên từng năm, cụ thể:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
Thu nhập bình quân Triệu đồng/người/tháng	7,4	7,9

9. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Theo đó, phương án phân phối lợi nhuận, hình thức và tỷ lệ chi trả cổ tức do Hội đồng quản trị xây dựng, đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận sau thuế của Công ty cho các cổ đông

THÔNG TIN TÓM TẮT

theo tỷ lệ phần vốn góp.

Tỷ lệ trả cổ tức:

Hình thức trả	Năm 2014	Năm 2015
Cổ tức bằng tiền	30%	30%
Cổ tức bằng cổ phiếu	20%	30%
Tổng cộng	50%	60%

10. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

✦ *Trích khấu hao TSCĐ:*

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	6 - 15 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm

Theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 25/04/2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), Công ty áp dụng thực hiện trích khấu hao nhanh tối đa không quá hai lần mức khấu hao xác định theo phương pháp đường thẳng nêu trên để nhanh chóng đổi mới công nghệ đối với nhóm tài sản máy móc và thiết bị. Khi thực hiện trích khấu hao nhanh, Công ty đảm bảo điều kiện cho trường hợp khấu hao nhanh theo quy định hiện hành của Thông tư 45 của Bộ tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

✦ *Thanh toán các khoản nợ đến hạn:*

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ đến hạn.

✦ *Các khoản phải nộp theo luật định:*

Công ty và công ty con thực hiện đầy đủ các quy định của Luật quản lý thuế, Luật phí và lệ phí, chế độ kế toán và các quy định hiện hành.

✦ *Trích lập các quỹ*

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo đúng luật định, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

✦ *Tình hình công nợ hiện nay*

THÔNG TIN TÓM TẮT

Các khoản nợ vay và nợ thuê tài chính

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
I.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.318.915.531.913	1.488.578.844.373	1.164.293.910.556
1.	Vay ngắn hạn	1.262.276.622.123	1.420.951.656.218	1.102.001.496.255
2.	Vay dài hạn đến hạn trả	25.804.557.482	26.113.028.551	25.297.155.146
3.	Nợ thuê tài chính đến hạn	30.834.352.308	41.514.159.604	36.995.259.155
II.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	143.574.257.965	201.042.033.988	187.199.488.155
1.	Vay dài hạn	54.241.542.255	28.436.987.773	15.534.706.032
2.	Nợ thuê tài chính	89.332.715.710	172.605.046.215	171.664.782.123

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2015 và BCTC hợp nhất 9 tháng năm 2016

Các khoản phải thu:

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
I.	Các khoản phải thu ngắn hạn	264.372.596.321	701.954.210.162	650.952.730.213
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	24.786.369.728	22.359.389.039	39.404.194.953
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	234.813.864.866	657.585.098.415	601.973.345.817
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	12.954.861.601	-
4.	Phải thu ngắn hạn khác	16.482.885.015	18.614.280.741	19.703.730.535
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(11.710.523.288)	(9.559.419.634)	(10.128.541.092)
II.	Các khoản phải thu dài hạn	182.193.179.477	1.576.594.090	237.069.787
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	197.412.500	197.412.500	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	1.369.181.590	1.369.181.590	-
3.	Phải thu về cho vay dài hạn	180.616.585.387		
4.	Phải thu dài hạn khác	10.000.000	10.000.000	237.069.787

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2015 và BCTC hợp nhất 9 tháng năm 2016

THÔNG TIN TÓM TẮT

Các khoản phải trả:

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
I.	Các khoản phải trả ngắn hạn	2.011.575.086.217	2.219.682.706.699	2.002.589.167.141
1	Phải trả người bán ngắn hạn	266.670.252.985	269.760.930.024	315.876.919.426
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	79.742.084.931	71.666.358.599	21.770.150.613
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	104.610.465.455	115.273.595.447	87.189.797.272
4	Phải trả người lao động	96.872.155.593	132.814.650.415	213.239.196.493
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	1.996.018.690	1.681.530.550	124.069.205.585
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	53.332.468
7	Phải trả ngắn hạn khác	110.503.065.924	104.299.100.566	15.731.578.751
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.318.915.531.913	1.488.578.847.373	1.164.293.910.556
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	27.229.841.901
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	32.265.510.726	35.607.693.725	33.135.234.076
II.	Các khoản phải trả dài hạn	198.323.372.720	344.941.340.007	353.119.176.809
1	Phải trả dài hạn khác	13.509.043.542	15.794.327.332	16.987.357.534
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	143.574.257.965	201.042.030.988	187.199.488.155
3	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	41.240.071.213	128.104.981.687	148.932.331.120

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2015 và BCTC 9 tháng năm 2016

Hàng tồn kho

STT	Nội dung	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
1	Hàng mua đang đi đường	9.525.942.811	11.439.228.041	4.614.285.720
2	Nguyên vật liệu	230.710.400.884	237.326.925.839	172.135.393.099
3	Công cụ và dụng cụ	4.136.278.031	5.436.550.973	7.945.081.832
4	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	72.256.997.024	34.070.415.400	125.419.574.033
5	Thành phẩm	224.601.967.113	46.517.029.968	287.365.423.924
6	Hàng hóa	650.847.098	18.304.015.912	942.978.513
7	Hàng gửi đi bán	422.642.818	596.431.968	679.407.928
	Tổng cộng	542.305.075.779	353.690.598.101	599.102.145.049

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2015 và BCTC 9 tháng năm 2016

THÔNG TIN TÓM TẮT

Đầu tư tài chính

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
I.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	925.000.000.000	1.168.000.000.000	671.000.000.000
	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	925.000.000.000	1.168.000.000.000	671.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính dài hạn	1.527.928.800	-	-
	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.527.928.800	-	-
	<i>Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông lâm nghiệp Quảng Ngãi</i>	<i>1.527.928.800</i>		

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2015 và BCTC 9 tháng năm 2016

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm.

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015
I.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,06	1,46
2	Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,79	1,30
II.	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	56,0	49,6
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	127,4	98,3
III.	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	9,0	12,2
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	lần	1,57	1,71
IV.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	12,4	15,8
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	44,8	56,6
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	19,5	27,0
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	14,7	17,2
5	Thu nhập trên cổ phiếu (EPS)	Đồng/CP	6.114	10.317

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2014 và BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2015

THÔNG TIN TÓM TẮT

11. TÀI SẢN

11.1. Tình hình tài sản đến thời điểm 31/12/2015

ĐVT Đồng

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	GTCL/ Nguyên giá
I.	Tài sản cố định hữu hình	3.643.027.347.381	2.268.567.463.591	1.374.459.883.790	37,7%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	729.473.785.011	385.697.711.125	343.776.073.886	47,1%
2	Máy móc và thiết bị	2.745.088.020.187	1.736.588.928.145	1.008.499.092.042	36,7%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	124.306.469.261	112.813.920.529	11.492.548.732	9,2%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	44.159.072.922	33.466.903.792	10.692.169.130	24,2%
II.	Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	441.326.173.511	154.988.266.512	286.337.906.999	64,9%
1	Máy móc và thiết bị	441.326.173.511	154.988.266.512	286.337.906.999	64,9%
III.	Tài sản cố định vô hình	4.191.346.125	2.115.679.277	2.075.666.848	49,5%
1	Quyền sử dụng đất	2.438.696.000	550.990.417	1.887.705.583	77,4%
2	Phần mềm máy vi tính	1.752.650.125	1.564.688.860	187.961.265	10,7%
	Tổng cộng	4.088.544.867.017	2.425.671.409.380	1.662.873.457.637	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2015

11.2. Tình hình tài sản đến thời điểm 30/09/2016

ĐVT Đồng

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	GTCL/ Nguyên giá
I.	Tài sản cố định hữu hình	3.705.441.303.932	2.513.032.128.179	1.192.409.175.753	32,2%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	758.669.967.011	433.716.649.193	324.953.317.818	42,8%
2	Máy móc và thiết bị	2.753.596.125.903	1.900.796.280.730	852.799.845.173	31,0%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	148.124.470.188	140.983.171.008	7.141.299.180	4,8%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	45.050.740.830	37.536.027.248	7.514.713.582	16,7%
II.	Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	479.127.709.711	251.923.106.273	227.204.603.438	47,4%

THÔNG TIN TÓM TẮT

1	Máy móc và thiết bị	479.127.709.711	251.923.106.273	227.204.603.438	47,4%
III.	Tài sản cố định vô hình	2.739.038.125	2.236.829.736	502.208.389	18,3%
1	Quyền sử dụng đất	986.388.000	548.712.400	437.675.600	44,4%
2	Phần mềm máy vi tính	1.752.650.125	1.688.117.336	64.532.789	3,7%
	Tổng cộng	4.187.308.051.768	2.767.192.064.188	1.420.115.987.580	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng năm 2016

11.3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

ĐVT: Đồng

STT	Các công trình	31/12/2015	30/09/2016
I.	Mua sắm	-	2.459.984.401
1	Máy thu hoạch mía	-	194.310.281
2	Mua đất của hộ dân	-	2.265.674.120
II.	Xây dựng cơ bản	79.666.520.141	1.684.257.189.726
1	Dự án mở rộng Nhà máy Đường An Khê 18.000TMN	35.225.530.138	826.988.830.666
2	Dự án cồn rượu cao cấp	10.513.270.118	10.530.885.503
3	Mở rộng Nhà máy Sữa Tiên Sơn - Bắc Ninh	1.617.619.110	-
4	Xưởng sửa chữa, bảo dưỡng cơ giới nông nghiệp	5.847.131.832	-
5	Sân vườn, khu KCS Nhà máy sữa	3.872.262.998	-
6	Máy rót TBA và máy đóng thùng	1.797.763.200	-
7	Dự án khảo nghiệm giống mía mới	671.814.150	-
8	Cụm kho thành phẩm Dung Quất	174.016.883	-
9	Dự án trồng cây siêu cao lương	184.755.576	-
10	Nhà kho thành phẩm nước khoáng	808.187.414	3.006.943.345
11	Dự án Nhà máy Nhiệt điện sinh khối	17.018.605.905	774.615.268.065
12	Dự án Nhà máy sữa Bình Dương	884.280.090	62.896.624.546
13	Các công trình khác	1.051.282.727	6.218.637.601
III.	Sửa chữa	-	9.450.710.602
1	Sửa chữa lớn Nhà máy Đường	-	9.450.710.602
	Tổng cộng	79.666.520.141	1.696.167.884.729

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng năm 2016

12. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC NĂM TIẾP THEO

12.1. Kế hoạch kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2015	Năm 2016		Năm 2017	
			Kế hoạch	Tăng/giảm so với năm 2015 (%)	Kế hoạch (*)	Tăng/giảm so với KH năm 2016 (%)
Vốn điều lệ	Triệu đồng	1.410.152	1.875.503	133%	-	-
Doanh thu thuần	Triệu đồng	7.785.235	7.434.320	- 4,5%	-	-
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.230.065	200.970	-83,7%	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	%	15,8	2,7	-	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	47	6	-	-	-
Tỷ lệ trả cổ tức	%	60	≥ 15	-	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016

(*) Công ty chưa có kế hoạch của năm 2017

Trong 9 tháng đầu năm 2016, doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ của Công ty là 5.283 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là gần 807 tỷ, đạt 71% về doanh thu và 401% về lợi nhuận sau thuế so với cả năm đặt ra. Trong quý IV, các nhà máy đường sẽ bắt đầu vụ ép mới, các nhà máy sữa, bia, bánh kẹo, nước khoáng sẽ tập trung sản xuất để phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng Tết nguyên đán sắp tới. Do vậy, QNS vẫn đảm bảo kế hoạch về doanh thu và hoàn thành vượt mục tiêu lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông QNS đề ra, cũng như chỉ tiêu về cổ tức cho các cổ đông.

12.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận (Theo Báo cáo của Hội đồng quản trị QNS tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua)

Để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 như trên, QNS tập trung một số công việc cụ thể như sau:

- Nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính, triển khai thực hiện các dự án theo đúng thủ tục, trình tự và hiệu quả.
- Tiếp tục củng cố và kiện toàn bộ máy tổ chức; nâng cao năng lực quản lý điều hành; phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng; tăng cường vai trò chủ động, linh hoạt của các phòng ban chức năng và đơn vị thành viên nhằm tạo hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh.
- Rà soát, điều chỉnh bổ sung và xây dựng mới các quy chế, quy định của QNS nhằm đưa hoạt động của QNS đi vào nề nếp.
- Duy trì và xây dựng Thương hiệu quốc gia cho các sản phẩm của QNS.
- Sử dụng nhiều biện pháp để khai thác hiệu quả nguồn vốn chủ sở hữu nhằm mang

THÔNG TIN TÓM TẮT

lại hiệu quả cao; tăng cường kiểm soát dự trữ hàng tồn kho, giám sát tốt tình hình công nợ, quản lý chi phí tiết kiệm nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Thuê các chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về các lĩnh vực quản trị tài chính, quản trị nhân sự, kỹ thuật để tư vấn cho QNS.

- Tiếp tục thực hiện cơ chế tiền lương hiệu quả làm đòn bẩy phát triển sản xuất kinh doanh, mang lại hiệu quả cao.

13. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA QNS

Không có.

14. CHIẾN LƯỢC, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA QNS

QNS luôn luôn nỗ lực trong mọi hoạt động và kinh doanh. Đồng thời QNS chú trọng vào mục tiêu và định hướng chiến lược phát triển trong tương lai cũng như chính sách được củng cố và hoàn thiện sao cho phù hợp nhất trong từng thời kỳ.

QNS xác định mục tiêu dài hạn chính là **“Đầu tư hợp lý, phát triển bền vững, gia tăng hiệu quả, tài chính lành mạnh và phòng ngừa rủi ro”**.

Và để thực hiện các mục tiêu này trong trung và dài hạn, QNS đã đưa ra các chiến lược phát triển như sau:

- Phát triển lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là mía đường, sữa đậu nành và các sản phẩm khác.
- Xây dựng vùng nguyên liệu mía và đậu nành bền vững nhằm tạo nguồn nguyên liệu có chất lượng và ổn định cho các nhà máy sản xuất.
- Đẩy mạnh hoạt động Marketing thỏa mãn nhu cầu của thị trường mục tiêu đã lựa chọn.
- Nghiên cứu, đầu tư máy móc thiết bị và công nghệ mới; ứng dụng sáng tạo thành tựu khoa học vào trong sản xuất và quản lý. Đồng thời, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới và ngày càng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ.
- Chú trọng vào mục tiêu phát triển nguồn nhân lực.
- Đẩy mạnh củng cố năng lực tài chính và tài chính là hạt nhân cho sự phát triển ổn định và bền vững với thông điệp xuyên suốt là uy tín và trách nhiệm.

15. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI QNS

Không có.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY**1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****1.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị của QNS gồm 05 thành viên.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Võ Thành Đàng	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc	Thành viên Hội đồng quản trị điều hành
2	Nguyễn Hữu Tiến	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc	Thành viên Hội đồng quản trị điều hành
3	Trần Ngọc Phương	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc	Thành viên Hội đồng quản trị điều hành
4	Đặng Phú Quý	Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty TNHH MTV TM Thành Phát	Thành viên Hội đồng quản trị điều hành
5	Ngô Văn Tụ	Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc NM Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy	Thành viên Hội đồng quản trị điều hành

1.2. Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị**1.2.1. Ông VÕ THÀNH ĐÀNG**

Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 20/12/1954
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 212219518
- Địa chỉ thường trú: P. Trần Phú, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng
- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Bí thư Đảng ủy Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không có
- Chức vụ công tác đã trải qua:

Thời gian	Chức vụ - Nơi làm việc
01/1981 – 06/1981	Kỹ thuật viên Sở điện lực tỉnh Nghĩa Bình
07/1981 – 10/1983	Kỹ thuật viên PX cơ điện, NM Đường Quảng Ngãi
11/1983 – 09/1986	Phó Quản đốc PX cơ điện, NM Đường Quảng Ngãi
10/1986 – 01/1988	Phó phòng Kỹ thuật NM Đường Quảng Ngãi
02/1988 – 02/1990	Trưởng phòng Kỹ thuật NM Đường Quảng Ngãi

THÔNG TIN TÓM TẮT

03/1990 – 2001	Phó giám đốc Kỹ thuật Công ty Đường Quảng Ngãi
1997 – 2001	Thường vụ Đảng ủy, Phó chủ tịch Công đoàn Cty
2001 – 12/2005	Giám đốc Công ty Đường Quảng Ngãi, Phó Bí thư Đảng ủy
12/2005 – đến nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc, Bí thư Đảng ủy Cty.

9. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của bản thân và những người liên quan:

- Cá nhân sở hữu: 8.603.920 cổ phần chiếm tỷ lệ: 4,59%
- Vợ: Võ Thị Cẩm Nhung sở hữu: 5.663.614 cổ phần chiếm tỷ lệ: 3,02%
- Con: Võ Thị Anh Trâm sở hữu: 2.108 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,001%

10. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

11. Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định

1.2.2. Ông NGUYỄN HỮU TIẾN *Giới tính: Nam*

1. Ngày tháng năm sinh: 02/07/1955

2. Quốc tịch: Việt Nam

3. Số CMND: 211133412

4. Địa chỉ thường trú: P. Nghĩa Chánh, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

5. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng
Cử nhân Chính trị Học viện Hành chính Quốc gia

6. Chức vụ hiện tại: Phó tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Phó Bí thư Đảng ủy Công ty
Chủ tịch hội cựu chiến binh Công ty

7. Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không có

8. Chức vụ công tác đã trải qua:

Thời gian	Chức vụ - Nơi làm việc
06/1972 – 03/1975	Làm cơ sở đội du kích xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi
04/1975 – 09/1975	Ủy viên Công an Xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi
10/1975 – 09/1978	Sinh viên trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng
10/1978 – 12/1979	Tham gia quân đội thuộc Tiểu đoàn 1, E 280 đóng tại Campuchia.
01/1980 – 08/1980	Về Trường Văn hóa quân khu V để đi học Đại học Kỹ thuật Quân sự.
09/1980 – 03/1983	Sinh viên Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng học tiếp tục.
04/1983 – 08/1985	Công tác tại phòng Kế hoạch Nhà máy Đường Quảng Ngãi

THÔNG TIN TÓM TẮT

09/1985 – 10/1988	Đảng ủy viên, Phó phòng cung tiêu, Quyền trưởng phòng cung tiêu Nhà máy Đường Quảng Ngãi
11/1988 – 11/1991	Thị ủy viên khóa 8 nhiệm kỳ 1989-1991, Phó Bí thư Đảng ủy Công ty, Trưởng phòng kế hoạch vật tư, Phó Giám đốc Công ty Đường Quảng Ngãi.
12/1991 – 12/2005	Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Công ty Đường Quảng Ngãi, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa 8 nhiệm kỳ 1995-1999.
01/2006 – 04/2011	Thường vụ Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi, Phó Bí thư Đảng ủy Công ty, Phó Tổng giám đốc, Chủ tịch Hội cựu chiến binh Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi
05/2011 – đến nay	Thường vụ Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi, Phó Bí thư Đảng ủy Công ty, Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Công ty cổ phần đường Quảng Ngãi.

9. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của bản thân và những người liên quan:

- Cá nhân sở hữu: 1.368.219 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,73%
- Vợ: Nguyễn Thị Kim Nguyệt sở hữu: 3.740.366 cổ phần chiếm tỷ lệ: 1,99%
- Con: Nguyễn Hữu Tường sở hữu: 282.500 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,15%
- Con: Nguyễn Anh Tài sở hữu: 280.800 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,15%

10. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

11. Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định

1.2.3. Ông TRẦN NGỌC PHƯƠNG *Giới tính: Nam*

1. Ngày tháng năm sinh: 13/01/1964
2. Quốc tịch: Việt Nam
3. Số CMND: 210125263
4. Địa chỉ thường trú: P. Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
5. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
6. Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
kiêm kế toán trưởng Công ty
Thường vụ Đảng ủy Công ty
7. Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:
Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2016 - 2021
8. Chức vụ công tác đã trải qua:

Thời gian	Chức vụ - Nơi làm việc
03/1989 – 09/1990	Cán bộ thu quốc doanh Sở tài chính Vật giá tỉnh Quảng Ngãi
10/1990 – 10/1991	Cán bộ chuyên quản XN quốc doanh, Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi
11/1991 – 01/1993	Nhân viên Kế toán XN đông lạnh tỉnh Quảng Ngãi
02/1993 – 01/2000	Trưởng phòng Tài chính kế toán NM Bia
02/2000 – 03/2001	Phó phòng Thị Trường Công ty CP Đường Quảng Ngãi
04/2001 – 02/2002	Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Đường Quảng Ngãi
03/2002 – 10/2003	Phó Giám đốc Nhà máy bánh kẹo
11/2003 – 03/2004	Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Đường Quảng Ngãi
04/2004 – 06/2004	Quyền Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty Đường Quảng Ngãi
07/2004 – 11/2005	Kế toán trưởng Công ty Đường Quảng Ngãi
12/2005 – 05/2010	Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi.
06/2010 – đến nay	Thành viên hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng, Thường vụ Đảng ủy Công ty CP Đường Quảng Ngãi

9. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của bản thân và những người liên quan:

- Cá nhân sở hữu: 3.617.592 cổ phiếu chiếm tỷ lệ: 1,93%

- Vợ: Huỳnh Thị Hồng Mai sở hữu: 1.488.344 cổ phiếu chiếm tỷ lệ: 0,79%

10. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

11. Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định

1.2.4. Ông ĐẶNG PHÚ QUÝ *Giới tính: Nam*

1. Ngày tháng năm sinh: 20/04/1963

2. Quốc tịch: Việt Nam

3. Số CMND: 210485706

4. Địa chỉ thường trú: P. Lê Hồng Phong, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

5. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Kế hoạch

6. Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

7. Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: GĐốc Cty TNHH MTV TM Thành Phát

8. Chức vụ công tác đã trải qua:

Thời gian	Chức vụ - Nơi làm việc
11/1981 – 03/1985	Công tác tại tổ sản xuất vôi Phân xưởng đường, NM Đường Quảng Ngãi
03/1985 – 12/1990	Bí thư chi đoàn Thanh niên Ban đời sống, thường vụ đoàn Thanh niên nhà máy, Phó Bí thư đoàn Thanh niên nhà máy
1991 – 06/1993	Cán bộ kế hoạch ban đời sống NM Đường Quảng Ngãi
07/1993 – 06/1995	Tổ trưởng tổ kế hoạch kinh doanh PX Bánh kẹo, NM Đường Quảng Ngãi.
07/1995 – 09/1995	Phó quản đốc PX bánh kẹo
10/1995 – 04/1997	Phó quản đốc PX nha
05/1997 – 1997	Phó quản đốc PX đường Phổ Phong
1997 – 01/2000	Phó Giám đốc NM Đường Phổ Phong
02/2000 – 11/2005	Trưởng phòng thị trường Công ty, Bí thư chi bộ
12/2005 - 2007	Giám đốc Trung tâm Thương mại Xuất nhập khẩu, Thành viên Hội đồng quản trị.
2008 – đến nay	Giám đốc Công ty TNHH MTV TM Thành Phát, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Đường Quảng Ngãi

9. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của bản thân và những người liên quan:

- Cá nhân sở hữu: 1.366.367 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,73%
- Vợ: Tạ Thị Hồng Vân sở hữu: 34.431 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,018%

10. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

11. Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định

1.2.5. Ông NGÔ VĂN TỰ *Giới tính: Nam*

1. Ngày tháng năm sinh: 11/12/1956

2. Quốc tịch: Việt Nam

3. Số CMND: 212119005

4. Địa chỉ thường trú: P. Nghĩa Chánh, TP. Quảng Ngãi

5. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật

6. Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Giám Đốc NM Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy

7. Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không có

8. Chức vụ công tác đã trải qua:

Thời gian	Chức vụ - Nơi làm việc
04/1991 – 04/1996	Phó Quản đốc phụ trách phân xưởng cồn rượu
05/1996 – 06/1998	Quản đốc phân xưởng nước giải khát
07/1998 – 01/2003	Giám đốc Nhà máy nước khoáng Thạch Bích
02/2003 – 12/2005	Giám đốc Nhà máy Sữa Trường Xuân
01/2006 – đến nay	Giám đốc Nhà máy sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy
04/2011 - đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Đường Quảng Ngãi

9. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của bản thân và những người liên quan:

- Cá nhân sở hữu: 1.917.688 cổ phần chiếm tỷ lệ: 1,02%

- Người liên quan: Không có

10. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

11. Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định

2. BAN KIỂM SOÁT

2.1. Danh sách ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đình Quế	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Thế Bình	Thành viên Ban kiểm soát
3	Nguyễn Thành Huy	Thành viên Ban kiểm soát

2.2. Sơ yếu lý lịch thành viên ban kiểm soát

2.2.1. Ông NGUYỄN ĐÌNH QUẾ *Giới tính: Nam*

1. Ngày tháng năm sinh: 15/08/1959

2. Quốc tịch: Việt Nam

3. Số CMND: 210005305

4. Địa chỉ thường trú: P. Trần Phú, TP. Quảng Ngãi

5. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế nông nghiệp, Trung cấp lý luận chính trị

6. Chức vụ hiện tại: Trưởng ban kiểm soát

Chủ tịch Công đoàn Công ty

Phó Bí thư, Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra Đảng ủy Công ty

7. Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

Ủy viên Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi

8. Chức vụ công tác đã trải qua:

Thời gian	Chức vụ - Nơi làm việc
10/1977 – 11/1978	Đoàn phó Đoàn Nghệ thuật Biên phòng tỉnh Nghĩa Bình, Cấp hàm: Trung sĩ,
12/1978 – 10/1982	Đoàn phó Đoàn Nghệ thuật quần chúng Các lực lượng vũ trang tỉnh Nghĩa Bình, Cấp hàm: Thượng sĩ
11/1982 – 12/1989	Ủy viên BCH Công đoàn, Thường vụ Đoàn thanh niên,
01/1990 – 12/1995	Ủy viên Thường vụ Công đoàn, Phụ trách Nhà văn hóa Công nhân Công ty
01/1996 -12/1999	- Bí thư đoàn TN Công ty, Thường vụ Đoàn Doanh nghiệp Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi. - Đảng ủy viên, Ủy viên Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Công ty.
01/2000 – 11/2005	- Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy Cty - Phó Chủ tịch Công đoàn, phụ trách công tác Thi đua, Khen thưởng Công ty
12/2005 – 12/2010	- Trưởng Ban kiểm soát, Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty - Phó bí thư Đảng ủy, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy Công ty - Ủy viên Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi.
12/2006 đến nay	- Trưởng Ban kiểm soát, Chủ tịch Công đoàn Công ty - Phó bí thư Đảng ủy, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy Công ty

9. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của bản thân và những người liên quan:

- Cá nhân sở hữu: 1.369.933 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,73%
- Vợ Dương Thị Thu Thủy sở hữu: 117.936 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,06%

10. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

11. Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định

2.2.2. Ông NGUYỄN THẾ BÌNH

Giới tính: Nam

1. Ngày tháng năm sinh: 28/12/1973
2. Quốc tịch: Việt Nam
3. Số CMND: 211903053
4. Địa chỉ thường trú: P. Nguyễn Nghiêm, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
5. Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
6. Chức vụ hiện tại: Thành viên ban kiểm soát, Phó phòng Tài chính kế toán
7. Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không có
8. Chức vụ công tác đã trải qua:

THÔNG TIN TÓM TẮT

Thời gian	Chức vụ - Nơi làm việc
12/1995 – 03/2004	Nhân viên phòng kế toán Cty Đường Quảng Ngãi
04/2004 – 11/2005	Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Đường Quảng Ngãi
12/2005 đến nay	Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi, Thành viên Ban kiểm soát

9. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của bản thân và những người liên quan:

- Cá nhân sở hữu: 934.028 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,5%
- Người liên quan: Không có

10. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

11. Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định

2.2.3. Ông NGUYỄN THÀNH HUY *Giới tính: Nam*

1. Ngày tháng năm sinh: 07/04/1968

2. Quốc tịch: Việt Nam

3. Số CMND: 211939080

4. Địa chỉ thường trú: P.Trần Phú, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

5. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

6. Chức vụ hiện tại: Thành viên ban kiểm soát
Chuyên viên Phòng HC-TC-KHTH Công ty

7. Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không có

8. Chức vụ công tác đã trải qua:

Thời gian	Chức vụ - Nơi làm việc
10/1986 – 09/1990	Sinh viên Trường Cao đẳng An ninh nhân II – Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an), tại TP Hồ Chí Minh.
09/1990 – 10/1992	Cán bộ trinh sát phòng PA25 công an tỉnh Quảng Ngãi. Cấp bậc: Trung úy.
11/1992 – 11/2004	Chuyên viên Phòng HC-QT Công ty Đường Quảng Ngãi. Trong thời gian này, từ 1995-1999 Công ty cử đi học Đại học tại Trường Đại học Kinh tế và QTKD Đà Nẵng.
11/2004 – 12/2005	Phó phòng HC-QT Công ty Đường Quảng Ngãi.
01/2006 – đến nay	Chuyên viên Phòng HC-TC-KHTH, Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Đường Quảng Ngãi.

9. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của bản thân và những người liên quan:

- Cá nhân sở hữu: 244.522 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,13%
- Người liên quan: Không có

THÔNG TIN TÓM TẮT

10. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
11. Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định

3. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong những năm qua, Ban Tổng Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý đã rất nỗ lực hoàn thành và vượt một cách xuất sắc chỉ tiêu kế hoạch ĐHCĐ phê duyệt. Kết quả đạt được trong hoạt động sản xuất kinh doanh đã phần nào minh chứng được hiệu quả và nỗ lực rất lớn trong việc điều hành của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý.

3.1. Danh sách Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Võ Thành Đàng	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
2	Nguyễn Hữu Tiến	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc
3	Trần Ngọc Phương	Thành viên HĐQT, Phó TGD Tài chính kiêm Kế toán trưởng
4	Cao Minh Tuấn	Phó TGD phụ trách nguyên liệu

3.2. Sơ yếu lý lịch Ban Tổng giám đốc

3.2.1. Ông VÕ THÀNH ĐÀNG: Xem chi tiết tại mục Hội đồng quản trị

3.2.2. Ông NGUYỄN HỮU TIẾN: Xem chi tiết tại mục Hội đồng quản trị

3.2.3. Ông TRẦN NGỌC PHƯƠNG: Xem chi tiết tại mục Hội đồng quản trị

3.2.3. Ông CAO MINH TUẤN *Giới tính: Nam*

- Ngày tháng năm sinh: 23/07/1957
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 212557813
- Địa chỉ thường trú: P. Nghĩa Lộ, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Cao cấp lý luận chính trị
- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác đã trải qua:

Thời gian	Chức vụ - Nơi làm việc
08/1980 – 12/1987	Nhân viên phòng Kế hoạch NM Đường Quảng Ngãi
01/1988 – 06/1989	Phụ trách Ban kiến thiết cơ bản công trình sản xuất bia
07/1989 – 09/1990	Phó phòng Kế hoạch vật tư Công ty Đường Quảng Ngãi
10/1990 – 04/1991	Phụ trách phòng Kế hoạch vật tư Công ty Đường Quảng Ngãi
04/1991 – 12/1999	Trưởng phòng Kế hoạch vật tư Công ty Đường Quảng Ngãi

THÔNG TIN TÓM TẮT

09/1995	Bí thư Chi bộ Kế hoạch Vật tư, Đảng ủy viên Đảng ủy Công ty Đường Quảng Ngãi
05/1997	Thường vụ Đảng ủy, Thường vụ công đoàn Công ty Đường Quảng Ngãi
12/1999 – 11/2005	Phó giám đốc Công ty Đường Quảng Ngãi
12/2005 – đến nay	Thường vụ Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi

9. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của bản thân và những người liên quan:

- Cá nhân sở hữu: 1.491.310 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,79%
- Con Cao Minh Triết sở hữu: 70.200 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,037%
- Con Cao Đỗ Xuân Thi sở hữu: 35.967 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,019%

10. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

11. Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định

4. KẾ HOẠCH TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

HQQT tiếp tục theo dõi nắm bắt những chính sách của chính phủ trong việc lãnh đạo nền kinh tế của đất nước để tận dụng cơ hội và phát huy những thế mạnh vốn có. Đồng thời đề ra một số định hướng chủ yếu như sau:

- Xây dựng chính sách kinh doanh linh hoạt, thường xuyên theo dõi sát sao diễn biến thực tế tình hình kinh tế và hoạt động kinh doanh để chủ động điều chỉnh và kịp thời đưa ra các định hướng, giải pháp phù hợp, hiệu quả nhằm ứng phó trước tình hình đã được dự báo là vẫn còn nhiều khó khăn.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chương trình phát triển nguồn nhân lực của QNS trên cơ sở nguồn nhân lực hiện có, kết hợp thu hút và tuyển chọn nhân sự từ bên ngoài. QNS cũng thực hiện các chương trình đào tạo nhằm cập nhật kịp thời kiến thức và nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ quản lý và người lao động. Đồng thời phát hiện bồi dưỡng đội ngũ quản trị kế cận.
- Tăng cường xây dựng thương hiệu và hệ thống nhận diện thương hiệu của các sản phẩm và của QNS. Đồng thời tận dụng uy tín thương hiệu để phát triển SX-KD nhằm gia tăng nguồn thu, đảm bảo mang lại hiệu quả cao.
- Tăng cường đầu tư hệ thống công nghệ thông tin, ứng dụng các phương pháp quản trị tiên tiến để nâng cao hiệu quả quản lý điều hành, từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức của QNS tinh gọn, linh hoạt và năng động.
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro, lành mạnh hoá công tác tài chính để tạo sức cạnh tranh, nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính.
- Tăng cường rà soát công tác đầu tư, khai thác các dự án đầu tư một cách hiệu quả.
- Tiếp tục xây dựng văn hoá doanh nghiệp phù hợp với sự phát triển bền vững

của QNS.

- Phát huy sử dụng Quỹ Phát triển khoa học & công nghệ, tổ chức quản lý điều hành các hoạt động của Quỹ có hiệu quả theo đúng quy định của Pháp luật nhằm khuyến khích Công ty nâng cao sức cạnh tranh thông qua nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới công nghệ và thiết bị tạo ra sản phẩm mới, hợp lý hoá sản xuất nhằm mang lại hiệu quả cao.

Ngoài ra, nhân sự Ban kiểm soát của QNS chưa phù hợp với quy định hiện nay về quản trị công ty. QNS sẽ trình tại kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất để Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung cho phù hợp với quy định và pháp luật hiện hành.

Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 12 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC *th*



Võ Thành Đăng